TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 166/2025/HC-PT
Ngày: 09 tháng 9 năm 2025
V/v: Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Huy Cầu.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tửu.

Ông Lê Thành Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Thu Trang - Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Bùi Như Lạc - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 09 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số: 589/2025/TLPT-HC ngày 27 tháng 6 năm 2025 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 05/2025/HC-ST ngày 06 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước (cũ) bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số:530/2025/QĐ-PT ngày 08 tháng 08 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện*: Ông Nguyễn Bá H, sinh năm 1970;

Nơi cư trú: ấp D, xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước (nay là phường Đ, tỉnh Đồng Nai); địa chỉ liên lạc: A L, khu phố P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước (nay là phường B, tỉnh Đồng Nai) (vắng mặt).

Người đại diện theo uỷ quyền: ông Lê Hồng P, sinh năm 1968; địa chỉ: A L, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước (nay là phường B, tỉnh Đồng Nai) (có mặt).

- *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân thành phố Đ;

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Ủy ban nhân dân phường Đ, tỉnh Đồng Nai.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: ông Trịnh Xuân H1, chức vụ: Chuyên viên Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ;

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Đ, tỉnh Đồng Nai (có đơn xin vắng mặt).

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B;

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ (có đơn xin vắng mặt).

3. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1975;

Nơi cư trú: ấp D, xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước (nay là phường Đ, tỉnh Đồng Nai); địa chỉ liên lạc: A L, khu phố P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước (nay là phường B, tỉnh Đồng Nai) (vắng mặt).

4. Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh B;

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Vũ Thị M - Giám đốc VPĐĐ tỉnh Đ Chi nhánh Đ1 (xin vắng mặt).

- *Người kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện ông Nguyễn Bá H và đại diện theo uỷ quyền của ông thống nhất trình bày:

Gia đình ông Nguyễn Bá H nhận chuyển nhượng của bà Đinh Thị X và có khai phá được thửa đất số 234, tờ bản đồ số 25, có diện tích 15.883m2 tại xã T (huyện Đ cũ), nay là thành phố Đ, tỉnh Bình Phước. Gia đình ông Hộ sinh S ổn định, trồng điều, cao su và nộp thuế có biên lai đầy đủ từ năm 1993 đến nay.

Ngày 23/01/1996, UBND tỉnh S ban hành Quyết định số 5566/QĐ-UB về điều chỉnh diện tích giao đất và việc thu hồi đất Công ty C, giao cho UBND huyện Đ quản lý. UBND huyện Đ có trách nhiệm thực hiện việc đăng kí, kê khai xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình và cá nhân đã và đang sử dụng đất ổn định.

Ngày 01/12/2002, UBND xã T thông báo cho các hộ gia đình tại khu vực ấp D, xã T biết, ai có đất vườn thì kê khai, đo đạc chính quy để cấp GCNQSDĐ (sổ đỏ), theo quy định của Luật đất đai (Mới) năm 2003.

Gia đình ông H có tiến hành kê khai, xác định ranh giới, đo đạc, nộp toàn bộ Biên lai nộp thuế sử dụng đất và đề nghị cơ quan chức năng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: thửa số 234, tờ bản đồ số 25; diện tích 15.883 m2 . Các thông tin này đã được thể hiện tại Sổ Mục kê được lưu trữ của UBND xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

Ngày 08/10/2004, Ủy ban nhân dân thị xã Đ, tỉnh Bình Phước ban hành Quyết định số: 3827/QĐ-UB về việc giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 52 hộ xã T, trong đó có gia đình ông H- Nguyễn Bá H, cụ thể: thửa số 234, tờ bản đồ số 25; diện tích 15.883 m2 , có 400m^2 đất thổ cư và 15.483m2 đất nông nghiệp. (hộ của ông H đã được cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất nêu trên cùng vào ngày 08/10/2004).

Gia đình ông H sử dụng ổn định và không có tranh chấp với ai.

Năm 2005, Ủy ban nhân dân thị xã Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn Đ, cấp chồng với thửa đất số 234, đã được cấp cho gia đình ông H theo Quyết định 3827/QĐ-UB, ngày 08/10/2004, của UBND thị xã Đ.

Ông Nguyễn Văn Đ có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài về Tranh chấp QSDĐ với ông H : thửa số 234, tờ bản đồ số 25; diện tích 15.883m^2 . Sau đó, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài đã ra Quyết định đình chỉ việc giải quyết vụ án do không đúng thẩm quyền giải quyết vụ án, ngày 25/8/2005.

Ông Nguyễn Văn Đ khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Đ (cũ) và được Chủ Ủy ban nhân dân thị xã Đ (cũ) bác nội dung khiếu nại tại Quyết định 716/QĐ-UB ngày 07/3/2006.

Ông Nguyễn Văn Đ tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B, trong quá trình giải quyết, Chủ tịch UBND tỉnh B đã ban hành quyết định số 1390/QĐ-CTUBND, ngày 14/ 8/ 2006 về giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn Đ như sau: Bác nội dung khiếu nại của ông nguyễn Văn Đ; thu hồi Quyết định và GCNQSDĐ đã cấp cho ông Nguyễn Văn Đ và ông Nguyễn Bá H.

Ông H có đơn khiếu nại gửi các cơ quan có thẩm quyền về việc đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất nêu trên cho gia đình ông H.

Vụ việc đã được Thanh tra tỉnh Bình Phước kiểm tra, rà soát và có Báo cáo số 206/BC-TTr ngày 19/8/2022 kiến nghị việc ông H đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 234, tờ bản đồ số 25, diện tích 15.883m2 tại xã T là có cơ sở xem xét, giải quyết, lý do:

- Theo sổ Mục kê thể hiện: ông H có thửa đất số 234 diện tích 15.883m2, tờ bản đồ số 25, tại xã T được sang nhượng từ năm 1993, gia đình ông H quản lý, sử dụng và có nộp thuế cho nhà nước từ năm 1993 đến nay.

- Việc UBND thành phố Đ ban hành Công văn số 217/UBND-TD trả lời ông H và cho rằng thửa đất số 234 tờ bản đồ số 25 đã được UBND thị xã Đ thu

hồi giao cho UBND xã T quản lý theo diện đất công tại Quyết định số 716/QĐ-UBND ngày 16/02/2006 nên không cấp giấy CNQSD đất cho gia đình ông H là chưa đúng, vì: Quyết định số 716/QĐ-UBND ngày 16/02/2006 là quyết định giải quyết khiếu nại không phải quyết định thu hồi đất.

Từ trước đến nay UBND thị xã Đ và nay là UBND thành phố Đ chưa có ban hành quyết định thu hồi đối với diện tích đất ông H đang quản lý sử dụng nên UBND xã T cũng không quản lý diện tích đất này.

- Diện tích đất ông Nguyễn Bá H kiến nghị cấp giấy CNQSD đất có nguồn gốc đất UBND huyện Đ cấp cho Công ty C quản lý từ năm 1986 để xây dựng lò gạch, gia đình ông H sang nhượng và lấn chiếm làm nhà và trồng cây điều sau đó trồng cây cao su và nộp thuế sử dụng đất, đất phi nông nghiệp (có biên lai nộp thuế) từ năm 1993 đến nay. Từ những cơ sở trên thì diện tích đất ông H đang quản lý, sử dụng từ thời điểm năm 1993 đến nay hoàn toàn có cơ sở xem xét cấp giấy CNQSDĐ.

Ngày 09/12/2022, Thanh tra tỉnh Bình Phước tiếp tục ra văn bản số 321/BC-TTr Báo cáo bổ sung kết quả kiểm tra, rà soát nội dung kiến nghị của công dân với nội dung: Quyết định số 1390/QĐ-CT.UBND ngày 14/8/2006 của UBND tỉnh B về việc giải quyết khiếu nại của ông Đ trong đó có nội dung thu hồi quyết định cấp giấy CNQSD đất đã cấp cho ông Đ và ông H để xem xét, xử lý định đúng quy định của pháp luật là có một phần chưa chính xác (phần thu hồi quyết định cấp giấy CNQSD đất đã cấp cho ông Nguyễn Bá H), lý do:

-Thửa đất số 234 của ông Nguyễn Bá H sử dụng từ năm 1993 có nguồn gốc từ việc lấn chiếm và sang nhượng đất do Công ty C quản lý. Đến năm 1995 thì UBND tỉnh S có quyết định thu hồi diện tích này giao về UBND huyện Đ quản lý và chỉ đạo UBND huyện Đ thực hiện việc đăng ký, kê khai, xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình và cá nhân đã và đang sử dụng ổn định; Xem xét, quyết định giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình và cá nhân có nhu cầu sử dụng đất trên diện tích chưa sử dụng. Ngày 31/ 02/ 2003, UBND xã T xác nhận đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ cho 52 hộ dân xã T trong đó có hộ ông Nguyễn Bá H. Phòng NN-Địa chính thị xã Đ lập Tờ trình số 3362/TT-NN-ĐC, ngày 28/9/2004: V/v Đề nghị UBND thị xã Đ giao đất và cấp đất cho 52 hộ dân xã T trong đó có hộ ông Nguyễn Bá H.

Việc UBND thị xã Đ ban hành Quyết định số 3827/QĐ- UB ngày 08/10/2004 về việc giao đất và cấp giấy CNQSD đất cho 52 hộ dân xã T trong đó có hộ ông Nguyễn Bá H là đúng quy định. Do đó, Quyết định số 1390/QĐ-CT.UBND ngày 14/8/2006 của UBND tỉnh B cần được điều chỉnh, huỷ bỏ một phần (phần thu hồi quyết định và cấp giấy CNQSD đất đã cấp cho ông Nguyễn Bá H).

Ngày 13/01/2023, Thanh tra tỉnh Bình Phước ra văn bản số 08/BC-TTr Báo cáo Kết quả làm việc theo Công văn số 3551/VPUBND-TD ngày 21/12/2022 của văn phòng UBND tỉnh: Quyết định số 1390/QĐ-CT.UBND ngày 14/8/2006 của UBND tỉnh B về việc giải quyết khiếu nại của ông Đ trong

đó có nội dung thu hồi quyết định cấp giấy CNQSD đất đã cấp cho ông Đ và ông H để xem xét, xử lý theo đúng quy định của pháp luật là có một phần chưa chính xác (phần thu hồi quyết định cấp giấy CNQSD đất đã cấp cho ông Nguyễn Bá H) với các lý do tương tự ở các Báo cáo số 206/BC-TTr ngày 19/8/2022 và Báo cáo số 321/BC-TTr ngày 09/12/2022.

Mặc dù, diện tích đất của gia đình ông H như đã trình bày trên, UBND thị xã Đ cũ (nay là thành phố Đ) có ý kiến thu hồi và giao cho Ủy ban nhân dân xã T quản lý theo diện đất công. Tuy nhiên, từ thời điểm 2006 (Thời điểm ban hành Quyết định số 716/QĐ- UBND ngày 16/02/2006) cho đến nay, UBND thị xã Đ cũ (nay là thành phố Đ) chưa ban hành quyết định thu hồi đất; gia đình ông H sử dụng ổn định, có đóng thuế đầy đủ qua các năm và không tranh chấp với ai từ đó đến nay.

Sau khi Thanh tra tỉnh có báo cáo bổ sung và kiến nghị UBND tỉnh giải quyết vụ việc của ông Nguyễn Bá H. Ngày 08/02/2023, UBND tỉnh B, triệu tập cuộc họp tư vấn với các sở ngành liên quan và ngày 15/02/2023, UBND tỉnh B, ban hành Thông báo số 38/TB-UBND về kết luận của của Phó Chủ tịch UBND tỉnh H tại buổi họp tư vấn giải quyết kiến nghị của công dân. Nội dung cụ thể: "Đối với thửa đất số 234, diện tích 15.883m^2, tờ bản đồ số 25 tại xã T mà ông H đề nghị UBND thành phố Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đã được UBND thị xã Đ (nay là thành phố Đ), UBND tỉnh giải quyết thu hồi diện tích đất tranh chấp giao cho UBND xã T quản lý để sử dụng vào mục đích công cộng tại Quyết định số 716/QĐ- UBND ngày 16/02/2006 của UBND thị xã Đ và Quyết định số 1390/QĐ- UBND ngày 14/8/2006 của UBND tỉnh về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn Đ. Việc UBND thị xã Đ (nay là thành phố Đ) chưa có Quyết định thu hồi đất và UBND xã T không quản lý thửa đất trên là trách nhiệm của UBND thành phố Đ và UBND xã T."

Ngày 01/3/2023, UBND tỉnh B ra văn bản số 628/UBND-TD về Kết quả kiểm tra, rà soát nội dung đơn kiến nghị của công dân: "…Việc UBND thị xã Đ (nay là thành phố Đ), UBND xã T chậm thực hiện Quyết định số 716/QĐ-UBND ngày 16/02/2006 của UBND thị xã Đ và Quyết định số 1390/QĐ-UBND ngày 14/8/2006 của UBND tỉnh là trách nhiệm của UBND thành phố Đ và UBND xã T."

Trong quá trình giải quyết khiếu nại của ông H, Chủ tịch UBND thành phố Đ –Nguyễn Minh B1 đã ra thông báo số 283/TB-UBND của UBND Thành phố Đ ngày 21/ 4/ 2022, trong đó đã Thông báo tại Mục 2, như sau: "Đối với nội dung ông NGUYỄN BÁ H khiếu nại về việc thu giữ giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất không có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền: Nội dung này, U đã chỉ đạo phòng, ban chuyên môn kiểm tra, rà soát, sau khi có kết quả sẽ thông tin cho ông Nguyễn Bá H được biết".

Ông H tiếp tục chờ đợi và ngày 20/6/2023, ông H tiếp tục làm đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND thành phố Đ. Tuy nhiên từ 20/6/2023 đến nay, Chủ tịch UBND thành phố Đ vẫn không trả lời nội dung khiếu nại về hành vi hành chính

nói trên.

Việc Chủ tịch UBND thành phố Đ, Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành các quyết định giải quyết khiếu nại số 716/QĐ-UBND và Quyết định số 1390/QĐ-CTUBND tuy chưa thực sự làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông H do đây không phải các quyết định thu hồi đất. Nhưng các cơ quan chuyên môn, UBND các cấp căn cứ vào việc 02 quyết định này có nội dung "Thu hồi diện tích đất tranh chấp tại lô số 234; tờ bản đồ số 25, giao UBND xã T quản lý" (QĐ 716) và "Thu hồi Quyết định và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Nguyễn Văn Đ và ông Nguyễn Bá H" (QĐ 1390) để nhiều năm nay không thực hiện việc giao GCNQSDĐ đã cấp cho ông H đã làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông H nên ông H cũng yêu cầu Toà án xem xét các quyết định này.

Vì vậy ông H khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết các vấn đề sau:

- Yêu cầu Tòa án tuyên buộc Ủy ban nhân dân thị xã Đ (nay là thành phố Đ), tỉnh Bình Phước thực hiện hành vi hành chính trực tiếp trong việc giao GCNQSDĐ mà UBND thị xã Đ (nay là thành phố Đ) đã cấp cho gia đình ông H - ông Nguyễn Bá H ngày 08/10/2004 đối với thửa số 234, tờ bản đồ số 25; diện tích 15.883 m2 ,có 400m2 đất thổ cư và 15.483m2 đất nông nghiệp, địa chỉ đất tại: ấp D, xã T, thị xã Đ (nay là thành phố Đ), tỉnh Bình Phước.

- Yêu cầu Tòa án xem xét các quyết định hành chính liên quan ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông H, gồm:

+ Quyết định số 1390/QĐ-CTUBND, của Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành ngày 14/ 8/ 2006: "Điều 2: a. Giao Chủ tịch UBND thị xã Đ: - Thu hồi Quyết định và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông NGUYỄN VĂN Đ và ông NGUYỄN BÁ H, để xem xét theo đúng quy định của pháp luật."

+ Quyết định số: 716/QĐ-UBND, của Chủ tịch UBND thị xã Đ (nay là thành phố Đ), tỉnh Bình Phước ban hành ngày 16/ 02/ 2006. Cụ thể tại: Điều 1: "Thu hồi diện tích đất tranh chấp tại lô số 234; tờ bản đồ số 25, giao UBND xã T quản lý."

Tại các văn bản trình bày ý kiến của người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố Đ trình bày:

Đối với việc giao cấp GCNQSDĐ cho ông Nguyễn Bá H và xem xét Quyết định số 716/QĐ-UBND ngày 16/02/2006 của UBND thị xã phần nội dung: "Thu hồi diện tích đất tranh chấp tại lô số 234, tờ bản đồ số 25, giao UBND xã T quản lý":

Năm 2002, ông Nguyễn Bá H làm Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất, gồm các thửa đất số 231, diện tích 2.563m^2 : thửa đất số 234, diện tích 15.883m^2 (trong đó có 400m^2 đất thổ cư); thửa đất số 286, diện tích 4.457m^2 thuộc tờ bản đồ số 25 do UBND xã T, nguồn gốc khai phá 1993.

Ngày 31/02/2003, Hội đồng xét duyệt cấp GCNQSDĐ xã T xác nhận ông Nguyễn Bá H đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ.

Ngày 08/10/2004, UBND thị xã Đ (nay là thành phố Đ) ban hành Quyết định số 3827/QĐ-UB về việc giao đất và cấp GCNQSDĐ cho 52 hộ dân xã T, trong đó có ông H. Tuy nhiên, GCNQSDĐ của ông Nguyễn Bá H chưa vào sổ cấp GCNQSDĐ, ông H chưa được nhận GCNQSDĐ nêu trên thì ông Nguyễn Văn Đ phát hiện việc cấp GCNQSDĐ cho ông H trùng thửa đất số 234, diện tích 15.883m² của gia đình ông (ông Nguyễn Văn Đ được cấp GCNQSDĐ số 01582/QSDĐ/4292/QĐ-UB với tổng diện tích 17.386m² trong đó có thửa đất số 234, diện tích 15.883m²) nên ông Đ đã có Đơn khiếu nại.

Ngày 16/02/2006, UBND thị xã Đ (nay là thành phố Đ) ban hành Quyết định số 716/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn Đ, ngụ tại khu phố C, phường T, thị xã Đ. Trong đó, có nội dung: "Bác đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn Đ - ngụ tại khu phố C, phường T, thị xã Đ, tỉnh Bình Phước. Lý do: Không có cơ sở để xem xét giải quyết. Thu hồi diện tích đất tranh chấp tại lô số 234, tờ bản đồ số 25 giao UBND xã T quản lý."

Ông Nguyễn Văn Đ không đồng ý với Quyết định số 716/QĐ-UBND ngày 16/02/2006 của UBND thị xã Đ nên, tiếp tục khiếu nại đến UBND tỉnh B.

Ngày 14/8/2006, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1390/QĐ-CTUBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn Đ, ngụ tại tổ F, khu phố C, phường T, thị xã Đ, tại Điều 2 Quyết định nà có nội dung giao UBND thị xã Đ: "Thu hồi Quyết định và GCNOS đất đã cấp cho ông Nguyễn Văn Đ và ông Nguyễn Bá H, để xem xét theo đúng quy định của pháp luật".

Căn cứ vào Quyết định số 716/QĐ-UBND ngày 16/02/2006 của UBND thị xã Đ (nay là thành phố Đ) và Quyết định số 139 CTUBND ngày 14/8/2006 của UBND tỉnh về việc giải quyết khiếu nại Nguyễn Văn Đ, trong đó thể hiện thửa đất số 234, tờ bản đồ số 25 có diện tích là 15.883m² thuộc lò gạch của Công ty C và đã được giao cho UBND xã T quản lý theo diện đất công.

Thực hiện Thông báo số 267/TB-UBND ngày 03/10/2011 của UBND thị xã Đ (nay là thành phố Đ) về kết luận của Chủ tịch UBND thị xã tại cuộc họp ngày 27/9/2011. Ngày 09/12/2011, Phòng T1 tiến hành bàn giao đất công cho Trung tâm Phát triển quỹ đất thị xã quản lý, trong đó có thửa đất số 234, tờ bản đồ số 25, xã T (Biên bản bàn giao đất công số 03/BB-BG ngày 09/12/2011). Ngày 14/7/2016, Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất thị xã Đ bàn giao quỹ đất công cho Phòng T1 quản lý theo Công văn số 84/UBND-NC ngày 15/01/2016 của UBND thị xã Đ (nay là thành phố Đ) về việc chuẩn bị công tác bàn giao T ng tâm Phát triển quỹ đất thị xã, trong đó có thửa đất số thửa đất số 234, tờ bản đồ số 25, xã T (Biên bản làm việc về việc phối hợp bàn giao đất công ngày 14/7/2016). Thực hiện chỉ đạo của Thường trực Thành ủy Đồng Xoài tại Thông báo số 1867-TB/TU ngày 23/9/2019, chỉ đạo của UBND thành phố tại Thông báo số 1218/TB-UBND ngày 11/9/2019 và Thông báo số 1278/TB-UBND ngày 23/9/2019, ngày 20/12/2019 Phòng T1 bàn giao toàn bộ các khu đất công và hồ sơ đất trên địa bàn thành phố Đ do Phòng T1 đang quản lý cho Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố, trong đó có thửa đất số thửa đất số 234,

tờ bản đồ số 25, xã T (Biên bản bàn giao đất công và hồ sơ đất công trên địa bàn thành phố Đ số 04/BB-TN&MT ngày 20/12/2019). Do đó, đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Bá H giao GCNQSDĐ đã cấp cho hộ ông Nguyễn Bá H ngày 08/10/2004, được quyền sử dụng thửa đất số 234, tờ bản đồ số 25, diện tích 15.883m², trong đó có 400m² đất thổ cư và 15.483m² đất nông nghiệp; địa chỉ thửa đất: ấp D, xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước là không có cơ sở xem xét giải quyết. Việc UBND thị xã Đ (nay là UBND thành phố Đ) ban hành Quyết định số 716/QĐ-UBND ngày 16/02/2006 về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn Đ ngụ tại khu phố C, phường T, thị xã Đ là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định.

Đối với quy trình cấp và lưu trữ hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Bá H:

Ngày 20/12/2024, Phòng T1 ban hành Công văn số 1995/TN&MT về việc sao lục hồ sơ theo nội dung yêu cầu của Toà án nhân dân tỉnh (vụ việc ông Nguyễn Bá H), với nội dung: Đề nghị Chi nhánh Văn phòng Đ sao lục toàn bộ hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Bá H đối với thửa đất 231, diện tích 2.563m², thửa đất số 234, diện tích 15.883m² (trong đó có 400m² đất thổ cư), thửa đất số 286, diện tích 4.457m²; thuộc tờ bản đồ số 25, toạ lạc tại xã T.

Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Đ ban hành văn bản số 02/CNVPĐKĐĐ-TT-LT về việc cung cấp thông tin, tài liêu hồ sơ đất đai, với nội dung:

+ Theo thông tin hồ sơ địa chính hiện đang lưu trữ tại Chi nhánh: Thửa đất số 234, tờ bản đồ số 25, diện tích 14769m² đất CLN, số vào số 01582, do UBND thị xã Đ (nay là UBND thành phố Đ) cấp ngày 30/11/2004, cấp cho hộ ông Nguyễn Văn Đ.

+ Không có thông tin về việc lưu trữ hồ sơ cấp Giấ chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 234, tờ bản đồ số 25, diện tích 15.883m² (trong đó có 400m² ONT); thửa đất số 286, tờ bản đồ 25, diện tích 4457,0m², địa chỉ thửa đất tại xã T, cấp cho ông Nguyễn Bả H2 tại Chi nhánh.

Trên cơ sở đề nghị sao lục và phúc đáp của Chi nhánh Văn phòng Đ, Phòng T1 không có thông tin, tài liệu liên quan đến việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Bá H. Vì vậy, UBND thành phố không có cơ sở trình bày ý kiến đối với nội dung quy trình và việc lưu trữ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với nội dung trên.

2. Đối với việc ban hành Quyết định thu hồi thửa đất số 234, tờ bản đồ số 25, tại xã T và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Bá H, ông Nguyễn Văn Đ:

a) Về việc ban hành Quyết định thu hồi thửa đất số 234, tờ bản đồ số 25, tại xã T:

Ngày 25/8/2005, UBND thị xã Đ nhận được Công văn số 21/CV-TA ngày 25/8/2005 của Toà án nhân dân thị xã Đồng Xoài về việc chuyển toàn bộ hồ sơ liên quan đến việc tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Văn Đ với ông Nguyễn Bá H. Lý do chuyển hồ sơ: Ông H đã được UBND thị xã Đ công nhận quyền sử dụng đất (không số) vào ngày 08/10/2004 với diện tích là 24.205m². Đồng thời ông Đ cũng được UBND thị xã Đ công nhận quyền sử dụng đất số 01582/QSDD/4292/QĐ-UB ngày 30/11/2004 với diện tích là 17.386m². Trong 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này đều thể hiện thửa đất số 234 đang tranh chấp giữa ông H và ông Đ (chồng sổ).

Ngày 07/9/2005, Ủy ban nhân dân thị xã Đ (nay là UBND thành phố Đ) có Công văn số 575/UB-TD về việc thụ lý giải quyết đơn thuộc thẩm quyền.

Ngày 15/9/2005, Phòng Nông nghiệp - Địa chính ban hành Quyết định số 10/QĐ-NN-ĐC của Trưởng Phòng Nông nghiệp - Địa chính thị xã về việc giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, nội dung: Thụ lý đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn Đ, ngụ tại: Khu phố C, phường T tranh chấp quyền sử dụng đất với ông Nguyễn Bá H, ngụ tại: Á, xã T.

Ngày 28/9/2005, Phòng Nông nghiệp - Địa chính có Báo cáo số 58/BC-NN-ĐC về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn Đ, ngụ tại: Khu phố C, phường T, thị xã Đ.

Thực hiện chỉ đạo của Chủ tịch UBND thị xã Đ tại buổi họp nghe Phòng Nông nghiệp - Địa chính báo cáo kết quả xác minh đơn khiếu nại của công dân tại Thông báo số 169/TB-UBND ngày 10/10/2005, Phòng Nông nghiệp - Địa chính có Báo cáo số 61/BC-NN-ĐC ngày 19/10/2005 về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn Điêng xã T.

Ngày 11/11/2005, UBND thị xã Đ (nay là UBND thành phố Đ) có Thông báo số 186/TB-UBND về kết luận của đồng chí Phan Văn P1 - Chủ tịch UBND thị xã tại buổi họp nghe Phòng T1 thị xã báo cáo kết quả xác minh đơn khiếu nại của công dân. Trong đó giao Phòng T1 tiếp tục xác minh làm rõ các nội dung liên quan.

Ngày 23/12/2005, Phòng T1 có Báo cáo số 79/BC- TN-MT về việc thẩm tra, xác minh bổ sung nguồn gốc đất lò gạch Nông trường T.

Ngày 16/02/2006, UBND thị xã Đ (nay là thành phố Đ) ban hành Quyết định số 716/QĐ- UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn Đ, ngụ tại khu phố C, phường T, thị xã Đ, với nội dung bác đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn Đ và thu hồi diện tích đất tranh chấp tại lô số 234, tờ bản đồ số 25 giao UBND xã T quản lý.

b) Về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Bá H, ông Nguyễn Văn Đ:

Ngày 31/3/2022, UBND thành phố ban hành Công văn số 10/UBND-TD giao Phòng T1 chủ trì phối hợp với Chi nhánh Văn phòng Đ rà soát, xác định việc thu hồi quyết định và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn

Văn Đ, ông Nguyễn Bá H theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Quyết định số 1390/QĐ- UBND ngày 14/8/2006.

Ngày 18/4/2022, UBND thành phố Đ tiếp tục ban hành Công văn số 709/UBND-TD về việc đôn đốc tham mưu thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Bá H, ông Nguyễn Văn Đ (lần 1).

Ngày 15/02/2023, UBND tỉnh B ban hành Thông báo số 38/TB-UBND về kết luận của Phó Chủ tịch UBND tỉnh H tại buổi họp tư vấn giải quyết kiến nghị của công dân, với nội dung: Giao UBND thành phố Đ, UBND xã T thực hiện Quyết định số 716/QĐ-UBND ngày 16/02/2006 của UBND thị xã Đ và Quyết định số 1390/QĐ- UBND ngày 14/8/2006 của UBND tỉnh. Trong quá trình thực hiện xem xét, đảm bảo quyền lợi của công dân theo quy định của pháp luật.

Ngày 13/11/2023, U ban hành Báo cáo số 452/BC-UBND về kết quả thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh (vụ việc ông Nguyễn Bá H), với nội dung:

"Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh, ngày 16/5/2023 UBND thành phố ban hành Quyết định số 991/QĐ-UBND về việc thành lập Tổ công tác thực hiện Quyết định số 716/QĐ-UBND ngày 16/02/2006 của UBND thị xã và Quyết định số 1390/QĐ-UBND ngày 14/8/2006 của UBND tỉnh.

Ngày 19/10/2023, Tổ công tác 991 có Báo cáo số 873/BC-TCT về kết quả tham mưu UBND thành phố nội dung liên quan đến ông Nguyễn Bá H, ngụ tại ấp D, xã T. Theo đó, ông Nguyễn Bá H đã khởi kiện vụ án hành chính đối với Quyết định số 1390/QĐ-UBND ngày 14/8/2006 của UBND tỉnh tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước và được thụ lý giải quyết tại Thông báo số 16/2023/TB-TLVA ngày 09/10/2023.

Do đó, UBND thành phố báo cáo, kính đề nghị UBND tỉnh chờ kết quả giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh".

3. Đối với việc giải quyết Đơn của ông Nguyễn Bá H:

Ngày 05/11/2021, UBND thành phố Đ nhận được Đơn đề nghị của ông Nguyễn Bá H ghi ngày 01/11/2021 về việc xin cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sổ đỏ) (Đơn nhận thông qua đường bưu chính).

Ngày 01/02/2022, UBND thành phố ban hành Công văn số 217/UBND-TD về việc trả lời, hướng dẫn ông Nguyễn Bá H.

Ngày 18/02/2022, ông Nguyễn Bá H tiếp tục có Đơn khiếu nại gửi Tỉnh ủy Bình Phước, với nội dung không đồng ý với nội dung trả lời tại Công văn số 217/UBND-TD về việc trả lời, hướng dẫn ông Nguyễn Bá H. Lý do: Chưa xem xét đánh giá đầy đủ, khách quan, toàn diện vụ việc. Đề nghị cơ quan chức năng xem xét cho ông được nhận lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 234, diện tích 15.883m², tờ bản đồ số 25 tại xã T.

Ngày 01/3/2022, Tỉnh ủy B2 ban hành Công văn số 772-CV/TU về việc xử lý đơn của ông Nguyễn Bá H (Đơn số 60), cụ thể: Giao Bí thư Thành ủy Đồng Xoài xem xét, chỉ đạo giải quyết đơn, trả lời công dân theo quy định.

Ngày 08/3/2022, Thành ủy Đồng Xoài ban hành Phiếu chuyển số 45-PC/TU chuyển đơn ông Nguyễn Bá H đến UBND thành phố Đ xem xét, giải quyết theo thẩm quyền, trả lời công dân theo quy định.

Ngày 21/4/2022, UBND thành phố ban hành Thông báo số 283/TB-UBND về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Bá H, với lý do: Thời hiệu khiếu nại đã hết theo quy định.

Yêu cầu khởi kiện của ông H là không có căn cứ, đề nghị Toà án căn cứ giải quyết theo quy định.

Tại văn bản trình bày ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B trình bày:

Về quyết định hành chính có liên quan: Quyết định số 1390/QĐ-CTUBND ngày 8/2006 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn Đ được ban hành đúng quy định của Luật Khiếu nại, tố cáo năm 1998.

Xét tính hợp pháp của Quyết định số 1390/QĐ-CTUBND ngày 14/8/2006

Về hình thức ban hành văn bản

Quyết định số 1390/QĐ-CTUBND ngày 14/8/2006 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn Đ được ban hành là đúng quy định của Luật Khiếu nại, tố cáo năm 1998.

Thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành

- Quyết định số 1390/QĐ-CTUBND ngày 14/8/2006 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn Đ đối với Quyết định số 716/QĐ-UB ngày 07/3/2006 của Chủ tịch UBND thị xã Đ về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn Đ là thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh theo quy định tại Điều 23 của Luật Khiếu nại, tố cáo năm 1998.

- Trình tự, thủ tục ban hành: Sau khi nhận được Quyết định số 716/QĐ-UB ngày 16/02/2006 của Chủ tịch UBND thị xã Đ về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn Đ, không đồng ý với quyết định này, ông Nguyễn Văn Đ làm đơn khiếu nại gửi Chủ tịch UBND tỉnh. Ngày 07/3/2006, UBND tỉnh ban hành Công văn số 360/UBND-TD về việc thụ lý đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn Đ giao Giám đốc Sở T2 xem xét, giải quyết theo thẩm quyền. Ngày 14/3/2006, Sở T2 ban hành Quyết định số 31/QĐ-STNMT về việc giao thụ lý đơn khiếu nại, tố cáo của công dân. Ngày 13/7/2006, Sở T2 có Báo cáo số 43/BC-STNMT và Báo cáo bổ sung số 52/BC-STNMT ngày 10/8/2006 về nội dung khiếu nại của ông Nguyễn Văn Đ. Ngày 14/8/2006, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1390/QĐ-CTUBND về việc giải quyết đơn khiếu nại

của ông Nguyễn Văn Đ là đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Khiếu nại, tố cáo năm 1998.

- Thời hạn ban hành: Sau khi nhận được Đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn Đ gửi Chủ tịch UBND tỉnh. Ngày 07/3/2006, UBND tỉnh ban hành Công văn số 360/UBND-TD về việc thụ lý đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn Đ giao Giám đốc Sở T2 xem xét, giải quyết theo thẩm quyền. Ngày 14/3/2006, Sở T2 ban hành Quyết định số 31/QĐ-STNMT về việc giao thụ lý đơn khiếu nại, tố cáo của công dân. Ngày 13/7/2006, Sở T2 có Báo cáo 43/BC-STNMT và Báo cáo bổ sung số 52/BC-STNMT ngày 10/8/2006 về nội dung khiếu nại của ông Nguyễn Văn Đ. Ngày 14/8/2006, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1390/QĐ-CTUBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn Đ là là đảm bảo thời hạn giải quyết khiếu nại theo quy định tại Điều 43 của Luật Khiếu nại, tố cáo năm 1998.

- Thời hiệu ban hành: Ngày 21/02/2006, ông Nguyễn Văn Đ làm Đơn khiếu nại gửi Chủ tịch UBND tỉnh là còn trong thời hiệu khiếu nại theo quy định tại Điều 31 của Luật Khiếu nại, tố cáo. Do đó, việc thụ lý và giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND tỉnh đối với ông Nguyễn Văn Đ là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung Quyết định số 1390/QĐ-CTUBND ngày 14/8/2006

Việc thanh lý tài sản lò gạch của Công ty C cho ông Nguyễn Văn Đ không thể hiện việc thanh lý diện tích đất mà chỉ thanh lý tài sản lò gạch và các công trình có liên quan nằm trên diện tích đất khoảng 1.407m² (trong tổng diện tích 18.775m²) do Công ty C quản lý, sử dụng từ năm 1988 đến năm 2002. Phần diện tích còn lại đã bị ông H lấn chiếm, sang nhượng trái phép trồng điều từ năm 1995-1998. Căn cứ khoản 6 Điều 38 Luật Đất đai năm 2003, thì việc UBND thị xã Đ thu hồi diện tích đất tranh chấp, giao cho địa phương quản lý để sử dụng vào mục đích công cộng là hoàn toàn chính xác.

Việc UBND xã T xét duyệt cấp GCNQSD đất để xảy ra việc cấp trùng thửa đất số 234, tờ bản đồ số 25 cho ông Đ là sai quy định. Vì thực tế thửa đất số 234 do ông H sử dụng khoảng 13.363m², còn lại 1.407m² là nền lò gạch, sân phơi không sử dụng, thửa số 233, 235 là của người khác sử dụng. Trong quá trình xét duyệt có hiện tượng ghi thêm tên ông Đ vào cuối danh sách và không thông qua các thành viên Hội đồng xét duyệt là sai quy định.

Diện tích đất ông H đề nghị cấp GCNQSD đất, có nguồn gốc lấn chiếm và sang nhượng trái phép. Nhưng Hội đồng xét cấp đất xã T vẫn xác nhận nguồn gốc tự khai phá là sai. Do đó, cần nghiêm túc kiểm điểm, xử lý kỷ luật đối với Hội đồng xét cấp GCNQSD đất xã T và các cá nhân sai phạm trong việc tham mưu cấp GCNQSD đất cho ông Nguyễn Văn Đ và ông Nguyễn Bá H theo đúng quy định.

Từ những nội dung trên, bác toàn bộ nội dung đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn Đ, ngụ tổ F, khu phố C, phường T, thành phố Đ, khiếu nại yêu cầu được sử dụng diện tích 15.883m² đất tranh chấp. lý do: Toàn bộ diện tích đất này, trước đây thuộc quyền quản lý, sử dụng của Công ty C. Năm 1996, UBND

tỉnh S đã có quyết định thu hồi diện tích đất này, giao về cho UBND huyện Đ quản lý. Trong hợp đồng mua tài sản cố định (lò gạch) của ông với Công ty C, có thể hiện chỉ sang nhượng tài sản trên đất, không sang nhượng đất.

Công nhận Quyết định số 716/QĐ-UB ngày 16/02/2006 của Chủ tịch UBND thị xã Đ về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn Đ là đúng quy định.

- Giao Chủ tịch UBND thị xã Đ:

Thu hồi Quyết định và GCNQSD đất đã cấp cho ông Nguyễn Văn Đ và ông Nguyễn Bá H, để xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật.

Quan điểm về giải quyết vụ án và các ý kiến khác kiên quan đến việc giải quyết vụ án của Chủ tịch UBND tỉnh.

Quyết định số 1390/QĐ-CTUBND ngày 14/8/2006 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn Đ đến nay đã hơn 18 năm nên thời hiệu khởi kiện đã hết (căn cứ theo khoản 1 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015, quy định: "Thời hiệu khởi kiện là thời hạn mà cơ quan, tổ chức, cá nhân được quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án hành chính bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm, nếu thời hạn đó đã kết thúc thì mất quyền khởi kiện. Trường hợp đương sự khiếu nại theo đúng quy định của pháp luật đến cơ quan Nhà nước, người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại thì thời hiệu khởi kiện được quy định như sau: 01 năm kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu hoặc quyết định giải quyết khiếu nại lần hai"). Vì vậy, đề nghị TAND tỉnh đình chỉ vụ án hành chính của ông Nguyễn Bá H theo đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Việc công bố Quyết định số 1390/QĐ-CTUBND ngày 14/8/2006 đến ông Nguyễn Bá H: Sau khi ban hành Quyết định số 1390/QĐ-CTUBND ngày 14/8/2006, tại Điều 3 của Quyết định này có ghi ông Nguyễn Bá H chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Tại văn bản trình bày ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị B trình bày:

Bà B là vợ của ông Nguyễn Bá H, bà cùng chồng và các con sinh sống trên thửa đất số 234, tờ bản đồ số 25, có diện tích 15.883 m² tại xã T (huyện Đ cũ), nay là thành phố Đ, tỉnh Bình Phước, từ 1993 cho đến nay. Thửa đất này trước đây trồng điều, nay đang trồng cây cao su khoảng 20 năm tuổi.

Gia đình ông bà nhận chuyển nhượng của bà Đinh Thị X và có khai phá được thửa đất số 234, tờ bản đồ số 25, có diện tích 15.883 m² tại xã T (huyện Đ cũ), nay là thành phố Đ, tỉnh Bình Phước, sinh sống ổn định, trồng điều, cao su và nộp thuế có biên lai đầy đủ từ năm 1993 đến nay.

Ngày 23/01/1996 UBND tỉnh S ban hành Quyết định số 5566/QĐ-UB về điều chỉnh diện tích giao đất và việc thu hồi đất Công ty C, giao cho UBND huyện Đ quản lý. UBND huyện Đ có trách nhiệm thực hiện việc đăng kí. kê khai

xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình và cá nhân đã và đang sử dụng đất ổn định.

Ngày 01/12/2002, UBND xã T thông báo cho các hộ gia đình tại khu vực ấp D, xã T biết, ai có đất vườn thì kê khai, đo đạc chính quy để cấp GCNQSDĐ (số đô), theo quy định của Luật đất đai (mới) năm 2003.

Gia đình bà B có tiến hành kê khai, xác định ranh giới, đo đạc, nộp toàn bộ Biên lai nộp thuế sử dụng đất và đề nghị cơ quan chức năng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: thửa số 234, tờ bản đồ số 25; diện tích 15.883 m². Các thông tin này đã được thể hiện tại Sổ Mục kê được lưu trữ của UBND xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

Ngày 08/10/2004, Ủy ban nhân dân thị xã Đ, tỉnh Bình Phước ban hành Quyết định số 3827/QĐ-UB về việc giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 52 hộ xã T, trong đó có gia đình bà B- Nguyễn Bá H, cụ thể: thưa số 234, 4 bản đồ số 25, điện tích 15.883 m², có 400m² đất thổ cư và 15.483m² đất nông nghiệp. Gia đình ông bà sử dụng ổn định và không có tranh chấp với ai nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

Bà hoàn toàn thống nhất với Đơn khởi kiện của chồng bà là ông Nguyễn Bá H, yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề cụ thể:

- Yêu cầu Tòa án tuyên buộc Ủy ban nhân dân thị xã Đ (nay là thành phố Đ), tỉnh Bình Phước thực hiện thực hiện hành vi hành chính trực tiếp trong việc giao GCNQSDĐ đã cấp cho gia đình bà B ông Nguyễn Bả H2. Cụ thể: thừa số 234, tờ bản đồ số 25; diện tích 15.883 m², có 400m² đất thổ cư và 15.483m² đất nông nghiệp theo Quyết định số: 3827/QĐ-UB, ngày 08/10/2004.

- Yêu cầu Tòa án xem xét các Quyết định, cụ thể:

+ Quyết định số 1390/QĐ-CTUBND, của Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành ngay 14/8/2006: "Điều 2: a. Giao Chủ tịch UBND thị xã Đ: - Thu hồi Quyết định và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông NGUYỄN VĂN Đ và ông NGUYỄN BÁ H, để xem xét theo đúng quy định của pháp luật."

+ Quyết định số: 716/QĐ-UBND, của Chủ tịch UBND thị xã Đ (nay là thành phố Đ), tỉnh Bình Phước ban hành ngày 16/02/2006. Cụ thể tại: Điều 1: "Thu hồi diện tích đất tranh chấp tại lô số 234; tờ bản đồ số 25, giao UBND xã T quản lý".

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã T trình bày:

Tại Biên bản phiên họp đối thoại ngày 03/4/2025, bà Hoàng Thị G – Phó Chủ tịch xã T là đại diện theo uỷ quyền của UBND xã T trình bày: Mọi ý kiến trình bày của UBND xã T đã được thể hiện và ghi nhận trong quá trình giải quyết vụ án thụ lý số 16/2023/TLST-HC ngày 09/10/2023 và thụ lý bổ sung số 01/2024/TLBS-HC ngày 06/5/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước về việc "*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"* giữa người khởi kiện ông Nguyễn Bá H với người bị kiện Chủ tịch UBND thành phố

Đ, Chủ tịch UBND tỉnh B đã được Toà án nhân dân tỉnh Bình Phước thụ lý giải quyết và ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án. UBND xã T xin được bảo lưu toàn bộ ý kiến đã trình bày có trong hồ sơ vụ án nêu trên và không có ý kiến gì thêm.

Tại Văn bản nêu ý kiến số 540/UBND-NC ngày 24/4/2024 của UBND xã T ghi nhận: "Qua kiểm tra Sổ mục kê đất lưu trữ tại Ủy ban nhân dân xã T, đã được Phó giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T2 ký duyệt ngày 04/5/2004, thì thửa đất 234, tờ bản đồ số 25, diện tích 15.883 m² của ông Nguyễn Bá H có tên trong Sổ mục kê. Ngoài ra Ủy ban nhân dân xã không tìm thấy hồ sơ lưu trữ biên lai nộp thuế sử dụng đất và các giấy tờ liên quan về việc đề nghị cơ quan chức năng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên. (Gửi kèm: Hồ sơ, tài liệu liên quan)

Đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Bình Phước sớm xem xét, giải quyết vụ án theo quy định pháp luật."

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh B trình bày:

Văn phòng Đăng ký đất đai nhận được Thông báo số 181/TB-TA ngày 12/12/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước. Qua xem xét nội dung Thông báo của Tòa án và Công văn số 2480/CNVPĐKĐĐ-ĐK&CGCN ngày 25/12/2024 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Đ, Văn phòng Đ có ý kiến như sau:

Do những vấn đề cụ thể của người khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết không thuộc thẩm quyền giải quyết của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh B nên Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh B không có ý kiến gì, đề nghị Tòa xem xét, giải quyết theo quy định hiện hành.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 05/2025/HC-ST ngày 06/5/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước đã quyết định:

1. Đình chỉ yêu cầu Toà án xem xét các quyết định hành chính liên quan ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông H, gồm:

- Quyết định số 1390/QĐ-CTUBND, của Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành ngày 14/ 8/ 2006: "Điều 2: a. Giao Chủ tịch UBND thị xã Đ: - Thu hồi Quyết định và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Nguyễn Văn Đ và ông Nguyễn Bá H, để xem xét theo đúng quy định của pháp luật."

- Quyết định số: 716/QĐ-UBND, của Chủ tịch UBND thị xã Đ (nay là thành phố Đ), tỉnh Bình Phước ban hành ngày 16/ 02/ 2006. Cụ thể tại: Điều 1: "Thu hồi diện tích đất tranh chấp tại lô số 234; tờ bản đồ số 25, giao UBND xã T quản lý."

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Bá H, cụ thể:

Tuyên bố hành vi không tiếp tục thực hiện các thủ tục hành chính để giao giấynhận QSDĐ mà UBND thị xã Đ (nay là thành phố Đ) cấp cho hộ ông

Nguyễn Bá H theo Quyết định số 3827/QĐ-UB ngày 08/10/2024 của UBND thị xã Đ về việc giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 52 hộ xã T ngày 08/10/2004 đối với thửa đất số 234, tờ bản đồ số 25; diện tích 15.883 m^2; địa chỉ thửa đất: ấp D, xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước của UBND thành phố Đ là trái pháp luật.

Buộc Ủy ban nhân dân thành phố Đ thực hiện nhiệm vụ, công vụ trong việc tiếp tục thực hiện các thủ tục hành chính để giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Nguyễn Bá H theo Quyết định số 3827/QĐ-UB ngày 08/10/2024 của UBND thị xã Đ về việc giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 52 hộ xã T ngày 08/10/2004 đối với thửa đất nêu trên theo đúng các quy định của pháp luật về đất đai;

Kiến nghị Ủy ban nhân dân thành phố Đ thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01582/QSDĐ/4292/QĐ-UB của UBND thị xã Đ (nay là thành phố Đ) cấp cho hộ ông Nguyễn Văn Đ ngày 30/11/2004 với tổng diện tích 17.386m² trong đó có thửa đất số 234, tờ bản đồ số 25, diện tích 15.883m², địa chỉ thửa đất: ấp D, xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 21 tháng 5 năm 2025, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước kháng nghị toàn bộ bản án sơ thẩm;

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng nghị, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng nghị, hủy bản án sơ thẩm do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Trong phần tranh luận:

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày: Giữ nguyên những nội dung đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án sơ cấp sơ thẩm. Đề nghị hủy các Quyết định của bên bị kiện đã làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bên khởi kiện; tiếp tục thực hiện các thủ tục hành chính để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Nguyễn Bá H theo Quyết định số 3827/QĐ-UB ngày 08/10/2024 của UBND thị xã Đ về việc giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 52 hộ xã T ngày 08/10/2004 theo đúng các quy định của pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện phát biểu: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đầy đủ thủ tục theo quy định của Luật tố tụng hành chính. Về nội dung: Bản án sơ thẩm đã vi phạm thủ tục tố tụng do giải quyết vượt quá phạm vi khởi kiện, thu thập tài liệu, chứng cứ chưa đầy đủ,

đưa thiếu người tham gia tố tụng. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước làm trong hạn luật định nên hợp lệ.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, có mặt người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp. Căn cứ Điều 225 Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

Đại diện Viện công tố và xét xử phúc thẩm tham gia phiên tòa vẫn giữ nguyên Quyết định kháng nghị.

[3] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước, đối chiếu với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Bá H, xét thấy có các nội dung như sau:

- Yêu cầu Tòa án tuyên buộc Ủy ban nhân dân thị xã Đ (nay là thành phố Đ), tỉnh Bình Phước thực hiện hành vi hành chính trực tiếp trong việc giao GCNQSDĐ mà UBND thị xã Đ (nay là thành phố Đ) đã cấp cho gia đình ông H - ông Nguyễn Bá H ngày 08/10/2004 đối với thửa số 234, tờ bản đồ số 25; diện tích 15.883 m^2, có 400m^2 đất thổ cư và 15.483m^2 đất nông nghiệp, địa chỉ đất tại: ấp D, xã T, thị xã Đ (nay là thành phố Đ), tỉnh Bình Phước.

- Yêu cầu Tòa án xem xét các quyết định hành chính liên quan ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông H, gồm:

+ Quyết định số 1390/QĐ-CTUBND, của Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành ngày 14/ 8/ 2006: "Điều 2: a. Giao Chủ tịch UBND thị xã Đ: - Thu hồi Quyết định và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông NGUYỄN VĂN Đ và ông NGUYỄN BÁ H, để xem xét theo đúng quy định của pháp luật."

+ Quyết định số: 716/QĐ-UBND, của Chủ tịch UBND thị xã Đ (nay là thành phố Đ), tỉnh Bình Phước ban hành ngày 16/ 02/ 2006. Cụ thể tại: Điều 1: "Thu hồi diện tích đất tranh chấp tại lô số 234; tờ bản đồ số 25, giao UBND xã T quản lý."

Tại phiên toà, đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện trình bày rõ: Ông Nguyễn Bá H đề nghị Hội đồng xét xử buộc Ủy ban nhân dân thành phố Đ ***tiếp tục thực hiện các thủ tục hành chính*** để giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho gia đình ông H theo Quyết định số 3827/QĐ-UB ngày 08/10/2024 của UBND thị xã Đ về việc giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 52 hộ xã T ngày 08/10/2004 đối với thửa đất nêu trên theo đúng các quy định của pháp luật về đất đai. Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện theo uỷ

quyền của người khởi kiện cho rằng việc cơ quan nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ gia đình bao gồm một quy trình nhiều bước, nhiều thủ tục khác nhau. Hiện nay phía gia đình người khởi kiện vẫn chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, mặc dù tại đã có Quyết định số 3827/QĐ-UB ngày 08/10/2024 của UBND thị xã Đ về việc giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 52 hộ xã T.

Xét việc bên khởi kiện đã giải thích rõ từ ngữ để làm rõ yêu cầu khởi kiện là phù hợp, không ảnh hưởng hay làm thay đổi bản chất vụ việc nên được ghi nhận.

[4] Về việc Ủy ban nhân dân Ủy ban nhân dân thị xã Đ không tiếp tục thực hiện các bước tiếp theo để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông Nguyễn Bá H:

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà, phía người bị kiện UBND thành phố Đ cho rằng toàn bộ thửa đất số 234 ông H đang yêu cầu Toà án giải quyết có nguồn gốc là lấn chiếm, hiện đã được thu hồi theo Quyết định giải quyết khiếu nại số 716/QĐ-UBND ngày 16/02/2006 của Chủ tịch UBND thành P và đang được UBND xã T quản lý. Do đó, nội dung yêu cầu khởi kiện của ông H là không có cơ sở.

Tuy nhiên, căn cứ và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Việc UBND thành phố Đ cho rằng thửa đất số 234 tờ bản đồ số 25 đã được UBND thị xã Đ thu hồi giao cho UBND xã T quản lý theo diện đất công tại Quyết định số 716/QĐ-UBND ngày 16/02/2006 nên không cấp giấy CNQSD đất cho gia đình ông H là chưa đúng, vì: Quyết định số 716/QĐ-UBND ngày 16/02/2006 là quyết định giải quyết khiếu nại không phải quyết định thu hồi đất. Từ trước đến nay UBND thị xã Đ và nay là UBND thành phố Đ chưa có ban hành quyết định thu hồi đối với diện tích đất ông H đang quản lý sử dụng nên UBND xã T cũng không quản lý diện tích đất này.

Quyết định thu hồi đất là quyết định hành chính có tính chất độc lập, phải được ban hành trước và riêng biệt bởi cơ quan có thẩm quyền theo Luật Đất đai (Điều 44 Luật Đất đai 2003). Quyết định giải quyết khiếu nại là kết quả xem xét tính hợp pháp, hợp lý của một quyết định hành chính hoặc hành vi hành chính đã có trước đó, được thực hiện theo Luật Khiếu nại, Tố cáo (năm 1998, sửa đổi bổ sung năm 2004 trong giai đoạn Luật Đất đai 2003 còn hiệu lực). Do đó, quyết định giải quyết khiếu nại chỉ được quyền giữ nguyên, sửa đổi, hủy bỏ hoặc yêu cầu thay thế quyết định hành chính bị khiếu nại, chứ không thể chứa nội dung hành chính mới như thu hồi đất. Nếu cơ quan có thẩm quyền muốn thu hồi đất thì phải ban hành quyết định thu hồi đất độc lập, đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Đất đai.

Khoản 2 Điều 44 Luật đất đai năm 2003 quy định về thẩm quyền thu hồi đất đối với cá nhân, hộ gia đình như sau:

"…

2. Uỷ ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh quyết định thu hồi đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thuộc đối tượng được mua nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam."

Điều 20 Luật Khiếu nại, tố cáo năm 1998, sửa đổi bổ sung năm 2004 quy định về thẩm quyền ban hành quyết định giải quyết khiếu nại:

"Điều 20

Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (gọi chung là cấp huyện) có thẩm quyền:

1- Giải quyết khiếu nại đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của mình;"

Như vậy, về thẩm quyền ban hành quyết định thu hồi đất theo quy định tại khoản 2 Điều 44 Luật Đất đai năm 2003 là của UBND cấp huyện, còn thẩm quyền ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu theo quy định tại Điều 20 Luật Khiếu nại, tố cáo năm 1998, sửa đổi bổ sung năm 2004 thuộc về người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước có quyết định hành chính hoặc hành vi hành chính bị khiếu nại có trách nhiệm giải quyết khiếu nại lần đầu. Do đó, UBND thành phố Đ không thể cho rằng việc thu hồi đất căn cứ vào nội dung trong Quyết định giải quyết khiếu nại. Trong trường hợp này, UBND thành phố Đ đã có quyết định giao đất cho ông H và chưa có quyết định thu hồi đất thì phải tiếp tục thủ tục cấp GCNQSDĐ cho hộ ông H theo quy định.

Mặt khác, Hội đồng xét xử nhận thấy trường hợp của hộ ông Nguyễn Bá H trước đây hay hiện nay, cũng có đủ căn cứ để cấp GCNQSDĐ vì những lý do sau:

Thứ nhất, căn cứ vào lời khai của người khởi kiện cho rằng đối với diện tích nêu trên có nguồn gốc do gia đình ông H nhận chuyển nhượng từ bà Đinh Thị X và gia đình ông lấn chiếm 1 phần của nông trường từ năm 1993. Hộ gia đình ông H đã sử dụng ổn định đất từ khi nhận chuyển nhượng cho đến nay là trên 30 năm.

Tại Biên bản xác minh ngày 14/3/2025 của Toà án nhân dân tỉnh Bình Phước ghi nhận: Phần diện tích, công trình nhà ở là phù hợp với biên bản xác minh hiện trạng đất và tài sản trên đất ngày 20/7/2022 của UBND xã T, cũng như phù hợp với lời trình bày của các đương sự. Qua xác minh ghi nhận: trên diện tích thửa đất tranh chấp có 01 căn nhà cấp IV, gia đình ông H đang sinh sống và xung quanh trồng toàn bộ cây cao su trồng khoảng năm 1996 đến nay, hiện hộ ông H có 05 thành viên sinh sống trên thửa đất (BL số 188, 189). Như vậy, gia đình ông H đã trực tiếp quản lý, sử dụng thửa đất liên tục kể từ khi nhận chuyển nhượng năm 1993 cho đến nay với thời gian hơn 30 năm. Do đó, việc ông Nguyễn Bá H đề nghị cấp giấy CNQSD đất đối với thửa đất số 234, tờ bản đồ số 25, diện tích 15.883m² tại xã T là có cơ sở xem xét.

Thứ hai, UBND xã T cung cấp thông tin theo sổ Mục kê thể hiện: ông H có thửa đất số 234 diện tích 15.883m², tờ bản đồ số 25, tại xã T được sang nhượng từ năm 1993. Ngoài ra, theo tài liệu, chứng cứ mà người khởi kiện cung cấp, gia đình ông H quản lý, sử dụng và có nộp thuế sử dụng đất hằng năm cho nhà nước từ thời điểm năm 1993 cho đến nay.

Thứ ba, diện tích đất ông Nguyễn Bá H kiến nghị cấp giấy CNQSD đất có nguồn gốc đất UBND huyện Đ cấp cho Công ty C quản lý từ năm 1986 để xây dựng lò gạch, gia đình ông H sang nhượng và lấn chiếm làm nhà và trồng cây điều sau đó trồng cây cao su và nộp thuế sử dụng đất, đất phi nông nghiệp (có biên lai nộp thuế) từ năm 1993 đến nay.

Căn cứ điểm a, điểm i khoản 2 Điều 21, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định: "Căn cứ xác định việc sử dụng đất ổn định.

2. Thời điểm bắt đầu sử dụng đất ổn định được xác định căn cứ vào thời gian và nội dung có liên quan đến mục đích sử dụng đất ghi trên một trong các giấy tờ sau đây:

a) Biên lai nộp thuế sử dụng đất nông nghiệp, thuế nhà đất

i) Bản đồ, sổ mục kê, tài liệu điều tra, đo đạc về đất đai qua các thời kỳ".

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 22, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về việc xử lý, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất có vi phạm pháp luật đất đai trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 như sau:

2. Trường hợp sử dụng đất lấn, chiếm đã được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất cho các nông trường, lâm trường quốc doanh, Ban quản lý rừng, trung tâm, trạm, trại, công ty N, lâm nghiệp thì thực hiện xử lý theo quy định như sau:

c) Trường hợp lấn, chiếm đất và nay đang sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp hoặc làm nhà ở và không thuộc quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, xây dựng công trình hạ tầng công cộng thì người đang sử dụng đất được xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất".

Thứ tư, theo Quyết định số 1390/QĐ-CT.UBND ngày 14/8/2006 của UBND tỉnh B về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn Đ thể hiện: Toàn bộ diện tích đất 15.883m² (tranh chấp giữa ông Đ và ông H) trước đây thuộc quyền quản lý, sử dụng của Công ty C. Tuy nhiên, năm 1995, UBND tỉnh S có Quyết định số 5566/QĐ-UB thu hồi diện tích này giao về UBND huyện Đ quản lý.

Tại Quyết định số 5566/QĐ-UB ngày 23/12/1995 của UBND tỉnh S về việc điều chỉnh diện tích giao đất và thu hồi đất Công ty C (gửi kèm Báo cáo), thể hiện:

"3) Thu hồi diện tích 7.356,98ha của Công ty C tại các xã A, T, T, T, thị Trấn Đ, thuận Lợi thuộc huyện Đ.

Điều III: UBND huyện Đ:

1) Giao UBND huyện Đ tiếp nhận toàn bộ diện tích 7.356,98 ha thu hồi của Công ty C.

2) UBND huyện Đ có trách nhiệm:

- Lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên toàn bộ diện tích đất đã được giao tiếp nhận.

- Thực hiện việc đăng ký, kê khai, xét cấp giấy chứng nhận quyền sit dùng đãi cho các hộ gia đình và cả nhân đã và đang sử dụng ổn định.

- Xem xét, quyết định giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình và cả nhân có nhu cầu sử dụng đất trên diện tích chưa sử dụng."

Như vậy, đối với thửa đất số 234, ông Nguyễn Bá H sử dụng từ năm 1993 tuy có nguồn gốc từ việc lấn chiếm và sang nhượng đất do Công ty C quản lý nhưng năm 1995 UBND tỉnh S đã có quyết định thu hồi diện tích này giao về UBND huyện Đ quản lý và chỉ đạo UBND huyện Đ thực hiện việc đăng ký, kê khai, xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình và cá nhân đã và đang sử dụng ổn định.

Cho nên, việc UBND thị xã Đ nay là thành phố Đ ban hành Quyết định số 3827/QĐ- UB ngày 08/10/2004 về việc giao đất và cấp giấy CNQSD đất cho 52 hộ dân xã T trong đó có hộ ông Nguyễn Bá H là đúng theo chủ trương tại Quyết định số 5566/QĐ-UB ngày 23/12/1995 của UBND tỉnh S, đúng theo quy định của pháp luật. Mặt khác, cho đến thời điểm hiện nay, UBND thành phố Đ vẫn chưa ban hành Quyết định thu hồi đất với diện tích đất này đã cấp cho hộ ông Nguyễn Bá H và cũng không có căn cứ để ban hành quyết định thu hồi đất đối với trường hợp này.

Từ những căn cứ nêu trên, ông H yêu cầu Toà án giải quyết buộc UBND thành phố Đ tiếp tục thực hiện các thủ tục hành chính để giao GCQSDĐ cho hộ ông Nguyễn Bá H, theo Quyết định số 3827/QĐ-UB ngày 08/10/2024 của UBND thị xã Đ về việc giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 52 hộ xã T ngày 08/10/2004 đối với thửa đất nêu trên là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[5] Đối với yêu cầu Tòa án xem xét các quyết định hành chính liên quan ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông H, gồm:

+ Quyết định số 1390/QĐ-CTUBND, của Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành ngày 14/ 8/ 2006: "Điều 2: a. Giao Chủ tịch UBND thị xã Đ: - Thu hồi Quyết định và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông NGUYỄN VĂN Đ và ông NGUYỄN BÁ H, để xem xét theo đúng quy định của pháp luật."

+ Quyết định số: 716/QĐ-UBND, của Chủ tịch UBND thị xã Đ (nay là thành phố Đ), tỉnh Bình Phước ban hành ngày 16/ 02/ 2006. Cụ thể tại: Điều 1: "Thu hồi diện tích đất tranh chấp tại lô số 234; tờ bản đồ số 25, giao UBND xã T quản lý".

Do ông H đã biết các quyết định này từ năm 2006 đến nay mới khởi kiện là hết thời hiệu khởi kiện nên Hội đồng xét xử sơ thẩm đình chỉ đối với phần yêu cầu này là có cơ sở.

[6] Đối với quyết định hành chính liên quan là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01582/QSDĐ/4292/QĐ-UB của UBND thị xã Đ (nay là thành phố Đ) cấp cho hộ ông Nguyễn Văn Đ ngày 30/11/2004 với tổng diện tích 17.386m² trong đó có thửa đất số 234, tờ bản đồ số 25, diện tích 15.883m², địa chỉ thửa đất: ấp D, xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước:

Người khởi kiện không yêu cầu huỷ GCNQSDĐ này; đây lại là quyết định hành chính liên quan hộ ông Nguyễn Văn Đ. Qua xác minh tại UBND phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước, ông Đ đã chết ngày 02/12/2022 theo trích lục khai tử bản sao số 05/TLKT ngày 09/01/2023 do UBND phường T. Tòa án cấp sơ thẩm không đưa nhưng người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Đ tham gia phiên tòa nhưng lại Kiến nghị Ủy ban nhân dân thành phố Đ thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01582/QSDĐ/4292/QĐ-UB của UBND thị xã Đ (nay là thành phố Đ) cấp cho hộ ông Nguyễn Văn Đ ngày 30/11/2004 với tổng diện tích 17.386m² trong đó có thửa đất số 234, tờ bản đồ số 25, diện tích 15.883m², địa chỉ thửa đất: ấp D, xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Do vậy, cần hủy nội dung này tại Bản án sơ thẩm số 05/2025/HC-ST ngày 06/5/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước, là có căn cứ.

[7] Căn cứ vào những lập luận trên đây, nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông H, là có cơ sở; riêng đối với phần kiến nghị về việc thu hồi cấp cho hộ ông Nguyễn Văn Đ là không có căn cứ, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước cũng như ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, hủy một phần bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241, Điều 242 Luật Tố tụng hành chính;

Chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị số 02/QĐ-VKS-HC ngày 21/5/2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước.

Sửa bản án sơ thẩm số 05/2025/HC-ST ngày 06/5/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

Căn cứ vào khoản 3, 4 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; các điểm b, h khoản 2 Điều 193; khoản 1 Điều 348; Điều 358 và Điều 359 Luật Tố tụng hành chính;

Căn cứ vào các Điều 38, 44 Luật Đất đai năm 2003; Điều 28 Luật Khiếu nại, tố cáo năm 1998, sửa đổi bổ sung năm 2004; điểm a, điểm i khoản 2 Điều 21, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu Toà án xem xét các quyết định hành chính liên quan ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông H, gồm:

- Quyết định số 1390/QĐ-CTUBND, của Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành ngày 14/ 8/ 2006: "Điều 2: a. Giao Chủ tịch UBND thị xã Đ: - Thu hồi Quyết định và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Nguyễn Văn Đ và ông Nguyễn Bá H, để xem xét theo đúng quy định của pháp luật."

- Quyết định số: 716/QĐ-UBND, của Chủ tịch UBND thị xã Đ (nay là thành phố Đ), tỉnh Bình Phước ban hành ngày 16/ 02/ 2006. Cụ thể tại: Điều 1: "Thu hồi diện tích đất tranh chấp tại lô số 234; tờ bản đồ số 25, giao UBND xã T quản lý."

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Bá H, cụ thể:

- Tuyên bố hành vi không tiếp tục thực hiện các thủ tục hành chính để giao giấy nhận QSDĐ mà UBND thị xã Đ (nay là thành phố Đ) cấp cho hộ ông Nguyễn Bá H theo Quyết định số 3827/QĐ-UB ngày 08/10/2024 của UBND thị xã Đ về việc giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 52 hộ xã T ngày 08/10/2004 đối với thửa đất số 234, tờ bản đồ số 25; diện tích 15.883 m^2; địa chỉ thửa đất: ấp D, xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước của UBND thành phố Đ là trái pháp luật.

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố Đ thực hiện nhiệm vụ, công vụ trong việc tiếp tục thực hiện các thủ tục hành chính để giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Nguyễn Bá H theo Quyết định số 3827/QĐ-UB ngày 08/10/2024 của UBND thị xã Đ về việc giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 52 hộ xã T ngày 08/10/2004 đối với thửa đất nêu trên theo đúng các quy định của pháp luật về đất đai;

- Hủy một phần bản án sơ thẩm, phần "Kiến nghị Ủy ban nhân dân thành phố Đ thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01582/QSDĐ/4292/QĐ-UB của UBND thị xã Đ (nay là thành phố Đ) cấp cho hộ ông Nguyễn Văn Đ ngày 30/11/2004 với tổng diện tích 17.386m² trong đó có thửa đất số 234, tờ bản đồ số 25, diện tích 15.883m², địa chỉ thửa đất: ấp D, xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước theo quy định của pháp luật".

2. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSNDCC tại TP Hồ Chí Minh; (1)
- TAND tỉnh Đồng Nai ; (1)
- VKSND tỉnh Đồng Nai ; (1)
- Cục THADS tỉnh Đồng Nai ; (1)
- Cục THADS tỉnh Đồng Nai; (1)
- Các đương sự ; (1)
- Lưu (MTTT). (5)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Huy Cầu